

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2017
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sơn
2. Bà Giang Thị Ngọc Diệp

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Thủy.

Ngày 25/9/2017, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2017/TLST – HNGĐ ngày 21/7/2017 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/QĐST- HNGĐ ngày 30/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2017/QĐST – HNGĐ ngày 15/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1993

HKTT: thôn T1, xã T2, huyện T, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1994

Địa chỉ: thôn T1, xã T2, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị C có mặt tại phiên tòa, anh N vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là chị Trần Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn N, sinh năm 1994 ở tại thôn T1, xã T2, huyện T, tỉnh Thái Bình quen biết trong quá trình cả hai cùng làm công nhân may tại

thành phố Thái Bình. Chị mang thai được 3 tháng thì anh, chị báo cáo với hai bên gia đình làm lễ cưới theo phong tục; ngày 12/9/2016 chị và anh N đăng ký kết hôn tại UBND xã T2. Ngay sau khi kết hôn thì giữa chị và anh N đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N ham chơi không có trách nhiệm lo toan cuộc sống chung. Chị xác định không thể cùng chung sống lâu dài với anh N được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung là Đỗ Ánh Tâm, sinh ngày 14/3/2017. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh N không có tài sản chung, không nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Đỗ Văn N đến làm việc nhưng anh N vắng mặt không rõ lý do, tòa án không hòa giải được và không rõ ý kiến của anh N về vụ án.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đã phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị C ly hôn anh Đỗ Văn N; Về con chung: Giao con chung là Đỗ Ánh Tâm cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đỗ Văn N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đỗ Văn N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Đỗ Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật – là hôn nhân hợp pháp. Ngay sau khi kết hôn anh chị đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân mỗi người sống một nơi, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau; không có ý thức cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc. Cơ sở thôn Đông Thịnh, UBND xã T1 và mẹ anh Đỗ Văn N là bà Nguyễn Thị M đều xác nhận tình trạng ly thân hiện nay của hai anh chị đúng như lời trình bày của chị C.

Anh Đỗ Văn N hiện đang làm công nhân ở tại địa phương, anh N đã nhận được toàn bộ tài liệu chứng cứ sao chụp biết rõ về việc chị C khởi kiện ly hôn; đã nhận tổng đặt hợp lệ toàn bộ các thông báo triệu tập làm việc, hòa giải vụ án nhưng anh N không có ý kiến gì; như vậy phản ánh anh N bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị

Chung. HĐXX nhận định quan hệ giữa chị C và anh N không thể hàn gắn được, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị C về việc xin ly hôn anh Đỗ Văn N.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị C và anh Đỗ Văn N có một con chung là Đỗ Ánh Tâm, sinh ngày 14/3/2017. Giao cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Trần Thị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện nên chấp nhận đề nghị của chị C.

[4]. Về phần tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 270; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Trần Thị C ly hôn anh Đỗ Văn N;

2. Về con chung:

Xử giao con chung là Đỗ Ánh Tâm, sinh ngày 14/3/2017 cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Trần Thị C không yêu cầu anh Đỗ Văn N cấp dưỡng nuôi con. Vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn là chị Trần Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0000729 ngày 21/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Chị Trần Thị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là chị Trần Thị C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/9/2017); bị đơn là anh Đỗ Văn N

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã T2;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

